

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, hơi mặn, chua chát, tính bình. Vào các kinh thận, bàng quang, phế, can, đại trường.

Công năng, chủ trị

Cổ tinh, sáp niệu, sáp tràng, chỉ tả. Chủ trị: Thận dương hư hòa kèm di tinh, tiểu tiện nhiều lần trong ngày, phụ nữ mắc chứng đới hạ, băng huyết, đại tiện phân lỏng, kiết lỵ.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g, dạng thuốc sắc, tán bột làm thuốc viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Bệnh mới phát thuộc chứng táo kết không dùng.

KIM NGÂN (Cuộng)

Lonicerae Caulis

Kim ngân đằng, Nhãn đông đằng

Thân dây loại nhỏ mang cành và lá được làm khô của cây Kim ngân (*Lonicera japonica* Thunb.) và một số loài khác cùng chi như *Lonicera dasystyla* Rehd.; *Lonicera confusa* DC. và *Lonicera cambodiana* Pierre ex Danguy, họ Kim ngân (Caprifoliaceae). Thu hái quanh năm tốt nhất là vào tháng 3 - 5. Sau khi thu hái, loại bỏ tạp chất, phơi hoặc sấy nhẹ đến khô.

Mô tả

Thân hình trụ dài, thường phân nhánh, cuộn lại thành khối, đường kính 0,2 cm đến 0,5 cm, vỏ ngoài màu nâu nhạt đến nâu sẫm. Lá khô nguyên dạng hình trứng, mọc đối, dài 3 cm đến 5 cm, cuống ngắn, cả hai mặt có lông mịn. Chất nhẹ, giòn, dễ bẻ gãy, mặt gãy màu vàng nhạt, lõi xốp hoặc rỗng. Mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng.

Vĩ phẫu

Thân: Mặt cắt ngang có thiết diện tròn. Biểu bì gồm một lớp tế bào nhỏ, đều đặn, mang nhiều lông che chở. Mô dày gồm 2 đến 3 hàng tế bào thành dày xếp sát dưới lớp biểu bì. Mô mềm vỏ gồm những tế bào hình tròn, thành mỏng. Tế bào không đều có thành dày hóa gỗ tạo thành một vòng phía trong mô mềm vỏ. Libe tạo thành vòng liên tục. Các mạch gỗ xếp thành hàng, các hàng tập hợp lại thành bó. Mô mềm ruột gồm các tế bào hình đa giác tròn, có thành hóa gỗ nhiều, tế bào càng ở trong kích thước càng lớn dần. Cành già thường có khuyết ở trung tâm.

Lá:

Gân giữa lá: Biểu bì trên và biểu bì dưới gồm một lớp tế bào xếp đều đặn thành ngoài hóa cutin mang nhiều lông che chở. Mô dày xếp sát biểu bì trên và biểu bì dưới gồm 3 đến 4 lớp tế bào hình đa giác tròn có thành dày ở góc. Mô mềm cấu tạo bởi các tế bào hình đa giác, có kích thước lớn, thành mỏng, rải rác mang tinh thể calci oxalat hình cầu gai. Bó libe-gỗ ở giữa gân lá. Libe tạo thành vòng bao quanh gỗ.

Phiến lá: Biểu bì trên và biểu bì dưới gồm một hàng tế bào phía ngoài hóa cutin, rải rác mang lông che chở. Mô giậu gồm các tế bào hình chữ nhật xếp vuông góc với biểu bì trên.

Bột

Bột màu nâu nhạt, mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng. Lông che chở đơn bào, thành dày, nhẵn, chân lông hơi phình. Mảnh biểu bì mang lông che chở. Mạch dẫn có các loại mạch vạch, mạch điểm, mạch mạng, mạch xoắn. Hạt tinh bột đơn, kép đôi hay kép ba. Tinh thể calci oxalat hình cầu gai. Mảnh mô mềm phiến lá. Mảnh biểu bì mang lỗ khí.

Định tính

A. Lấy 2 g bột dược liệu cho vào bình nón có dung tích 100 ml, thêm 10 ml *ethanol* 90 % (TT). Lắc kỹ, đun cách thủy trong 15 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến khi còn khoảng 2 ml. Lấy 1 ml dịch chiết vào ống nghiệm, thêm 2 giọt đến 3 giọt *acid hydrochloric* (TT) và một ít bột *magnesi* (TT) hoặc bột *kẽm* (TT), dung dịch chuyển từ màu vàng sang da cam đến đỏ.

B. Lấy 1 g bột dược liệu cho vào ống nghiệm, thêm 10 ml *nước cất*, lắc nhẹ trong 5 min, lọc. Cho vào 2 ống nghiệm, mỗi ống 2 ml dịch lọc. Thêm 2 giọt đến 3 giọt *dung dịch natri hydroxyd* 10 % (TT) vào ống nghiệm thứ nhất, dung dịch có màu vàng đậm hơn so với ống nghiệm thứ hai không thêm dung dịch natri hydroxyd 10 %.

C. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel* 60F₂₅₄.

Dung môi khai triển: *Butyl acetat* - *acid formic* - *nước* (7 : 2,5 : 2,5).

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột dược liệu thêm 20 ml *methanol* (TT), lắc siêu âm trong 20 min, để nguội, lọc. Bóc hơi dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cạn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan acid chlorogenic chuẩn trong *ethanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 1 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có acid chlorogenic chuẩn thì dùng 1 g bột Kim ngân cuộng (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết của acid chlorogenic trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu hoặc phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

D. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel* 60F₂₅₄.

Dung môi khai triển: *Cloroform* - *methanol* - *nước* (65 : 35 : 10). Lắc kỹ, lấy lớp dưới.

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột dược liệu thêm 10 ml *methanol* 50 % (TT), lắc siêu âm trong 30 min, để nguội, lọc.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 1 g bột Kim ngân cuộng (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử. **Cách tiến hành:** Châm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l mỗi dung dịch trên. Sau khi khai triển, lấy bản mỏng ra khỏi bình sắc ký, để khô ở nhiệt độ phòng. Phun dung dịch acid sulfuric 10 % trong ethanol (TT). Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 85 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 9,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 0,5 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không được ít hơn 12,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt. Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng ethanol 50 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Kim ngân cuộng cắt khúc: Lấy dược liệu khô, rửa sạch, cắt khúc dài 2 cm đến 5 cm, phơi trong bóng râm hoặc sấy nhẹ đến khô.

Mô tả: Đoạn thân hình trụ dài 2 cm đến 5 cm, đường kính 0,2 cm đến 0,5 cm, vỏ ngoài màu nâu nhạt đến nâu sẫm, bên trong màu vàng nhạt, lõi xốp hoặc rỗng. Lá khô nguyên dạng hình trứng, mọc đối, dài 3 cm đến 5 cm, cuống ngắn, cả hai mặt có lông mịn. Mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng.

Bột, Định tính, Độ ẩm, Tạp chất, Tro toàn phần, Chất chiết được trong dược liệu: Yêu cầu và phương pháp thử như đối với dược liệu chưa cắt khúc.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến và đã chế biến: Để nơi khô ráo, tránh ẩm mốc, sâu mọt.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng hơi ngọt, tính hàn, Vào các kinh phế, vị.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt giải độc, tán phong. Chủ trị: Cảm phong nhiệt sốt, mụn nhọt, ngứa lở, tê thấp, đau nhức các khớp.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 16 g đến 30 g, dạng thuốc sắc.

Kiêng kỵ

Tỳ vị hư hàn đại tiện lỏng không dùng.

KIM NGÂN (Hoa)

Lonicerae Flos

Nụ hoa có lẫn một số hoa còn tươi hoặc được làm khô của cây Kim ngân (*Lonicera japonica* Thunb.) và một số loài

khác cùng chi như *Lonicera dasystyla* Rehd.; *Lonicera confusa* DC. và *Lonicera cambodiana* Pierre, họ Kim ngân (Caprifoliaceae). Thu hoạch vào mùa hạ, lúc nụ hoa sắp nở. Nên thu hái vào buổi sáng, hái cả chùm nụ hoa có lẫn ít hoa đã nở, loại bỏ tạp chất, phơi trong bóng râm hay sấy nhẹ đến khô.

Mô tả

Dược liệu khô: Nụ hoa hình ống hơi cong queo, dài 1 cm đến 5 cm, đầu to, đường kính khoảng 0,2 cm đến 0,5 cm. Mặt ngoài màu vàng đến nâu, phủ đầy lông ngắn. Phía dưới ống tràng có 5 lá đài nhỏ, màu lục. Bóp mạnh đầu nụ sẽ thấy 5 nhị và 1 vòi nhụy. Mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng.

Dược liệu tươi: Chùm hoa có màu trắng xen lẫn màu vàng tươi, mềm. Hoa đã nở dài từ 2 cm đến 5 cm, tràng chia thành 2 môi cuộn ngược lại. Môi trên xẻ thành 4 thùy, môi dưới nguyên. Nhị và vòi nhụy thường thò ra ngoài tràng hoa.

Bột

Bột màu vàng nâu nhạt, có mùi thơm nhẹ. Hạt phấn hình cầu, đường kính 53 μ m đến 62 μ m, màu vàng, có 3 lỗ rãnh nảy mầm rõ, bề mặt có nhiều gai nhỏ, thưa. Lông tiết gồm 2 loại: Lông tiết đầu hình chùy cầu tạo bởi 20 tế bào đến 30 tế bào và lông tiết đầu hình cầu gồm khoảng 10 tế bào. Lông che chở đơn bào cũng gồm 2 loại: Một loại thành dày, nhẵn hoặc có những chấm lồi nhỏ, một loại thành mỏng, vết lồi rất rõ. Mảnh biểu bì cánh hoa có lông tiết, lông che chở.

Định tính

A. Lấy 5 g bột dược liệu khô cho vào bình nón có dung tích 100 ml, thêm 20 ml ethanol 90 % (TT). Lắc kỹ, đun cách thủy trong 15 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến khi còn khoảng 5 ml. Lấy 1 ml dung dịch vào ống nghiệm, thêm 2 giọt đến 3 giọt acid hydrochloric (TT) và một ít bột magnesi (TT) hoặc bột kẽm (TT), dung dịch chuyển từ màu vàng sang da cam đến đỏ.

B. Lấy 1 g bột dược liệu khô cho vào ống nghiệm, thêm 10 ml nước cất, lắc nhẹ trong 5 min, lọc. Cho vào 2 ống nghiệm, mỗi ống 2 ml dịch lọc. Thêm 2 giọt đến 3 giọt dung dịch natri hydroxyd 10 % (TT) vào ống nghiệm thứ nhất, dung dịch có màu vàng đậm hơn so với ống nghiệm thứ hai không thêm dung dịch natri hydroxyd 10 %.

C. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel 60F₂₅₄.

Dung môi khai triển: Butyl acetat - acid formic - nước (7 : 2,5 : 2,5).

Dung dịch thử: Lấy 0,2 g bột dược liệu khô thêm 10 ml methanol (TT) lắc siêu âm trong 20 min, để nguội, lọc. Bóc hơi dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cạn trong 2 ml ethanol (TT).

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan acid chlorogenic chuẩn trong ethanol (TT) để được dung dịch có nồng độ 1 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 0,2 g bột Kim ngân hoa (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.